

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục và Quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực
Địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông
nghiệp và Môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 3782/SNNMT-TCCB ngày 16/7/2025; ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1847/SKHCN-TĐC ngày 04/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ 23 (hai mươi ba) thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Địa chất và khoáng sản kèm theo Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này, trong thời hạn 03 ngày làm việc, xây dựng quy trình điện tử giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh Hà Tĩnh theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; bãi bỏ Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 11/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: NN&MT, KH và CN;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₄.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	1.005408	45 Ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
2	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.004810	45 Ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Lệ phí: 7.500.000 đồng/01 giấy phép (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha- Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: + Diện tích thăm dò trên 50.000 ha) Lệ phí : 2.000.000 đồng/01 giấy phép (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:	các nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ TNMT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha) Lệ phí: 5.000.000 đồng/01 giấy phép (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha)	công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
3	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	2.001814	45 Ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Lệ phí: 5.000.000 đồng/01 giấy phép (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					+ Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha) Lệ phí: 7.500.000 đồng/01 giấy phép (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: + Diện tích thăm dò trên 50.000 ha) Lệ phí: 2.000.000 đồng/01 giấy phép (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí	đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: + Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha))	
4	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	1.004446	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ	Như trên	Phí: 30.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: + Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này) Phí: 40.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ TN&MT, Bộ Tài

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng.) Phí : 40.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này + Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) Phí: 50.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại	chính: quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường. - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này + Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) Phí: 60.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này) Phí : 80.000.000 Đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm) Phí: 100.000.000 Đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có	

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại) Lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình Phí : 1.000.000 Đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản + Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm) Phí : 10.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản + Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm)	

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Phí: 15.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản + Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm) Lệ Phí: 15.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm) Phí: 20.000.000 đồng (Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có	

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dự án đầu tư xây dựng công trình: + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp + Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này).	
5	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	1.004434	15 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo kế hoạch được phê duyệt	Lệ phí: 8.000.000 đồng/1 hồ sơ (Diện tích khu vực đấu giá từ trên 5 ha đến 10 ha: 8.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí : 10.000.000 đồng/1 hồ sơ (Diện tích khu vực đấu giá từ trên 10 ha đến 50 ha: 10.000.000 đồng/hồ sơ).	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Lệ phí: 12.000.000 đồng/1 hồ sơ (Diện tích khu vực đấu giá từ trên 50 ha: 12.000.000 đồng/hồ sơ.) Lệ phí: 2.000.000 đồng/1 hồ sơ (- Diện tích khu vực đấu giá từ 0,5 ha trở xuống: 2.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí: 4.000.000 đồng/1 hồ sơ (Diện tích khu vực đấu giá từ trên 0,5 ha đến 2 ha: 4.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí: 6.000.000 đồng/1 hồ sơ (Diện tích khu vực đấu giá từ trên 2 ha đến 5 ha: 6.000.000 đồng/hồ sơ).	- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành quy chế hoạt động của hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ TN&MT, Bộ Tài chính: quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
6	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	1.004433	15 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Theo kế hoạch được phê duyệt	Lệ phí: 2.000.000 đồng/01 hồ sơ (- Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm từ 1 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí: 4.000.000 đồng/01 hồ sơ (Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng: 4.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí: 6.000.000 đồng/01 hồ sơ (Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng: 6.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí: 8.000.000 đồng/01 hồ sơ (Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 8.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí: 10.000.000 đồng/01 hồ sơ (Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản năm 2016; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ TN&MT ban hành quy chế hoạt động của hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 10.000.000 đồng/hồ sơ). Lệ phí: 12.000.000 đồng/01 hồ sơ (Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm từ trên 100 tỷ đồng: 12.000.000 đồng/hồ sơ).	09/9/2014 của Bộ TN&MT, Bộ Tài chính: quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
7	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	2.001787	184 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Tĩnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Công Dịch vụ công quốc gia,	Phí: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) (Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản: + Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn	(không bao gồm thuế GTGT): Trên 01 đến 10 tỷ đồng) Phí : 10.000.000 Đồng (Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản: + Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Đến 01 tỷ đồng) Phí: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) (Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản: + Tổng chi	khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 44/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định nội dung công tác thi công đề án thăm dò khoáng sản. - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 10 đến 20 tỷ đồng) Phí: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) (Nộp phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản: + Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 20 tỷ đồng Nộp phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản áp dụng Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản:	

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					+ Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): Trên 20 tỷ đồng)	
8	Đóng cửa mỏ khoáng sản	1.004367	78 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
9	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	2.001783	53 ngày (Không tính thời gian lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan).	Như trên	Lệ phí: 30.000.000 đồng (Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này) Lệ phí: 40.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm) Lệ phí: 50.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại) Lệ phí: 500.000 đồng (Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm)	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 sửa đổi bổ sung một số điều trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Lệ phí: 5.000.000 đồng (Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³ /năm) Lệ phí: 7.500.000 đồng (Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối có công suất khai thác trên 10.000 m³ /năm) Lệ phí: 7.500.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³ /năm) Lệ phí: 10.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy	đóng cửa mỏ khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định tại mục 1 của Biểu mức thu này) Lệ phí: 15.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này) Lệ phí: 20.000.000 đồng (Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) Lệ phí: 20.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng)	

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
10	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001781	Tùy theo giai đoạn xử lý hồ sơ	Như trên	Lệ phí: 5.000.000đồng/01giấy phép (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Khai thác tận thu)	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
11	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	1.004345	45 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Lệ phí: Đồng (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản (trong trường hợp khi chuyển nhượng) áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: - Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng mức	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					thu là: 20.000.000 đồng/01 giấy phép. - Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024: + Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp là: 20.000.000 đồng/01 giấy phép; + Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp là: 25.000.000 đồng/01 giấy phép. - Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 6, điểm 7 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 là: 30.000.000 đồng/01 giấy phép. - Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm là: 40.000.000 đồng/01 giấy phép.	- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/01 giấy phép.)	
12	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	1.004343	53 ngày (Không tính thời gian lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức hữu quan).	Như trên	Lệ phí: 30.000.000đồng (Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này) Lệ phí: 40.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm) Lệ phí: 50.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại) Lệ phí: 500.000 đồng (Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối Có công suất khai thác dưới 5.000 m³ /năm) Lệ phí: 5.000.000 đồng (Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³ /năm) Lệ phí: 7.500.000 đồng (Giấy phép khai thác cát, sỏi	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					lòng suối Có công suất khai thác trên 10.000 m³ /năm) Lệ phí: 7.500.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³ /năm) Lệ phí: 10.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này) Lệ phí: 15.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện	- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này) Lệ phí: 20.000.000 đồng (Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp) Lệ phí: 20.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng)	
13	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	2.001777	21 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ sửa đổi

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						bổ sung một số điều trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
14	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng		45 Ngày làm việc kể	Như trên	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010;

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	1.004135	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
15	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ sử dụng cho xây dựng công	1.004132	57 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều trong lĩnh vực khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.					động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
16	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	1.004083	10 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
17	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	1.000778	87 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Lệ phí: 4.000.000 đồng/giấy phép (Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép) Lệ phí: 10.000.000đồng/giấy phép (Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép)	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Lệ phí: 15.000.000 đồng/giấy phép (Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép)	- Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều trong lĩnh vực khoáng sản; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 05/02/2024 Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định mức thu, chế độ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
18	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013321	28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Lệ phí: 15.000.000đồng (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm) Lệ phí: 20.000.000 đồng (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này)	định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Lệ phí: 30.000.000đồng (Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể: Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này)	Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
19	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013322	Tùy theo từng trường hợp	Như trên	Lệ phí: 7.500.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm (gia hạn)) Lệ phí: 10.000.000 đồng (Giấy phép khai thác khoáng	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này (gia hạn)) Lệ phí: 15.000.000đồng (Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này (gia hạn)) Lệ phí: 2.500.000 đồng (Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu)	quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản. - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
20	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013323	23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
21	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	1.013324	Tùy theo từng trường hợp	Như trên	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
22	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	1.013326	09 làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
23	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	1.013325	17 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Như trên	Không	- Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; - Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa

TT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; - Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ CÁC TTHC

1. Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.01	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: + Thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; + Qua Dịch vụ bưu chính công ích. + Qua Cổng dịch vụ công quốc gia“ https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.01.01;	x	
-	Giấy phép thăm dò khoáng sản;	x	
-	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại theo mẫu BM.ĐCKS.01.02;	x	
-	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.01.03; kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò;	x	
-	Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại (Theo khoản 7 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ).		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> <i>+ Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu;</i> <i>+ Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.</i> <i>+ Nếu nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”</i>		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		

2.5	Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 02A - đường Nguyễn Chí Thanh - phường Thành Sen - tỉnh Hà Tĩnh). - Dịch vụ bưu chính công ích. - Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc cho trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo

		ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng.		
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ; hồ sơ sau điều chỉnh bổ sung.
B4	Thẩm định hồ sơ: Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp phức tạp tham mưu tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết).	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (đối với trường hợp cần kiểm tra thực địa)	28 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);
B5	Trên cơ sở kết quả thẩm định: - Trường hợp đủ điều kiện: Dự thảo Tờ trình đề nghị UBND tỉnh kèm Dự thảo Quyết định cho trả lại Giấy phép, trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy. - Trường hợp không đủ điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ) trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, Dự thảo Quyết định cho trả lại Giấy phép hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Lãnh đạo phòng	03 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình kèm Dự thảo Quyết định cho trả lại Giấy phép hoặc dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm

				hồ sơ) đã được ký nháy”
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và Dự thảo Quyết định cho trả lại Giấy phép đã được lãnh đạo Sở ký duyệt hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B8	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B10.	Văn thư, chuyên viên giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	“Mẫu 05; Tờ trình kèm Dự thảo Quyết định cho trả lại Giấy phép và hồ sơ trình. Hoặc mẫu 05, 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ)”.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	05 ngày	Quyết định cho trả lại Giấy phép hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, công chức TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Quyết định cho trả lại Giấy phép hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU (Các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thực hiện TTHC)			

	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ
	BM.ĐCKS.01.01	- Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.  BM.ĐCKS.01.01.doc x
	BM.ĐCKS.01.02	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại.  BM.ĐCKS.01.02.doc x

	BM.KS.01.03	- Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản và khu vực tiếp tục thăm dò.  BM.ĐCKS.01.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);	
-	Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có); Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Hồ sơ sửa đổi, bổ sung (nếu có);	
-	Tờ trình; dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản;	
-	Quyết định cho phép trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

2. Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.02		
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH			
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét gia hạn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày, trong đó, giải trình rõ lý do việc đề nghị gia hạn. - Tại thời điểm đề nghị gia hạn chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục công việc theo Giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp hoặc có sự thay đổi về cấu trúc địa chất; phương pháp thăm dò so với đề án thăm dò đã được chấp thuận. - Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò khoáng sản đã thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò (tăng hoặc giảm) có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có); thông báo kế hoạch thăm dò cho UBND cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.			
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao	
-	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.02.01;	x		
-	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo BM.ĐCKS.02.02;	x		
-	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó) BM.ĐCKS.02.03;	x		

-	Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ).				X
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”				
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)				
2.5	Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn				
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.				
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân				
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ				
2.10	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả	
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh https://motcua.hatinh.gov.vn	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3	

	2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng.	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ, hồ sơ sau điều chỉnh bổ sung.
B4	Thẩm định hồ sơ: Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp phức tạp tham mưu tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết).	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (đối với trường hợp cần kiểm tra thực địa)	28 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có); Báo cáo kết quả thẩm định
B5	Trên cơ sở kết quả thẩm định: - Trường hợp đủ điều kiện: Dự thảo Tờ trình đề nghị UBND tỉnh kèm dự thảo Giấy phép (gia hạn), trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép (gia hạn) hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.

	- Trường hợp không đủ điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ) trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy”.			
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Lãnh đạo phòng	03 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình kèm dự thảo Giấy phép (gia hạn) hoặc dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ) đã được ký nháy
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Giấy phép (gia hạn) đã được lãnh đạo Sở ký duyệt hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B8	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B10.	Văn thư, chuyên viên giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	“Mẫu 05; Tờ trình kèm dự thảo Giấy phép (gia hạn) và hồ sơ trình. Hoặc mẫu 05, 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ)”.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	05 ngày	Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, công chức TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) hoặc

				Văn bản thông báo trả hồ sơ.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả		Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ		Mẫu 06.docx

	BM.ĐCKS.02.01	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản  BM.ĐCKS.02.01.doc x
	BM.ĐCKS.02.02	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo.  BM.ĐCKS.02.02.doc x
	BM.ĐCKS.02.03	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó).  BM.ĐCKS.02.03.doc x
	BM.ĐCKS.02.04	Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn)  BM.ĐCKS.02.04.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).	
-	Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có); Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Hồ sơ sửa đổi, bổ sung (nếu có)	
-	Công văn yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có).	
-	Tờ trình; dự thảo Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn).	
-	Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn).	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

3. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.03
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Khoáng sản bao gồm: + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. - Nếu không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường bao gồm: (1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản - Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. - Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ. - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã. - Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản. (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản - Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm: + Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp; + Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp; + Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định; + Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ	

cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành

khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42 Luật Khoáng sản:

+ Thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;

+ Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có);

+ Thông báo kế hoạch thăm dò cho UBND tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải có đủ điều kiện để được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

- Quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản:

+ Tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò.

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản BM.ĐCKS.03.01	x	
-	Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;	x	
-	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản BM.ĐCKS.03.02	x	
-	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42; khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản. (Theo khoản 8 điều 4 Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ)		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn		
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.		

	Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Phòng Khoáng sản giải quyết.	“Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng”.	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ, hồ sơ sau điều chỉnh bổ sung.

	nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.			
B4	Thẩm định hồ sơ: Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng; thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp phức tạp tham mưu tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết).	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (đối với trường hợp cần kiểm tra thực địa)	28 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);
B5	Trên cơ sở kết quả thẩm định: - Trường hợp đủ điều kiện: Dự thảo Tờ trình đề nghị UBND tỉnh kèm dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng), trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy. - Trường hợp không đủ điều kiện: Dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ) trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng) hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Lãnh đạo phòng	03 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình kèm dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng) hoặc dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ) đã được ký nháy”
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng) đã được lãnh đạo Sở ký duyệt hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.

B8	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B10.	Văn thư, chuyên viên giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	“Mẫu 05; Tờ trình kèm dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng) và hồ sơ trình. Hoặc mẫu 05, 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ)”.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	05 ngày	Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, công chức TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Công chức TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép thăm dò khoáng sản (chuyển nhượng) hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>				
3	BIỂU MẪU (Các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thực hiện TTHC)			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	 Mẫu 01.docx	
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ	 Mẫu 02.docx	

	Mẫu 03	 Mẫu 03.docx Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	Mẫu 04	 Mẫu 04.docx Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
	Mẫu 05	 Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ
	BM.ĐCKS.03.01	 BM.ĐCKS.03.01.doc X Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.
	BM.ĐCKS.03.02	 BM.ĐCKS.03.02.doc X Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
	BM.ĐCKS.03.03	 BM.ĐCKS.03.03.doc X Giấy phép thăm dò khoáng sản
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	

-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);
-	Công văn yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có);
-	Tờ trình; dự thảo Giấy phép thăm dò khoáng sản;
-	Giấy phép thăm dò khoáng sản;
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

4. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.04
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản: + Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản chung cả nước; Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản; + Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản. - Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: Không. - Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn	

2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
a	Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản		
-	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS 04.01	x	
-	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS 04.02	x	
-	Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;	x	
-	- Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 Nghị định này gồm: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); - Các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định như sau: * Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau: + Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức. * Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau: + Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất. * Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau:		x

	+ Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã; + Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.		
-	Trường hợp đề nghị khai thác quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.		x
b	Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản		
-	Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS 04.04	x	
-	Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt.	x	
-	Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	x	
-	Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.	x	
-	Thuyết minh báo cáo, các bản vẽ kèm theo và quyết định phê duyệt kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức trong trường hợp có sự thay đổi tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.		x
c	Đối với hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình		
-	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS 05.01;	x	

-	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình theo mẫu BM.ĐCKS 04.02	x	
-	Phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	x	
-	Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: - Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 87 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 57 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn		
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; Cơ quan được ủy quyền: Không; Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.		
2.9	Kết quả giải quyết TTHC:		

	Giấy phép khai thác khoáng sản; Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
a	Trường hợp: Hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ:	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh	31 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn

	- Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và tổ chức kiểm tra thực địa. - Gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.	đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).		bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan;
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B11.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	13 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền, trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	26 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Trưởng phòng	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo

				Quyết định phê tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	07 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản, Quyết định phê tiền cấp quyền Văn hoặc bản trả lời nêu rõ lý do.
B11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép khai thác khoáng sản, Quyết định phê tiền cấp quyền; hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
b	Trường hợp: Hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05; hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư,	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác liên quan đến đề nghị điều chỉnh Giấy phép và tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). - Trường hợp không đủ điều kiện điều chỉnh Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B8. - Trường hợp đủ điều kiện điều chỉnh Giấy phép thì chuyển thực hiện bước B5.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (nếu tổ chức kiểm tra thực địa)	15 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo/.
B5	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	08 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép.
B6	Xem xét ký nháy kết quả thực hiện tại B5	Trưởng phòng	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép đã được lãnh đạo phòng xác nhận.

B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép.
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	07 ngày	Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, Cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
c	Trường hợp: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ và yêu cầu nộp phí, lệ phí (nếu có)	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh.
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và tổ chức kiểm tra thực địa.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan.	10 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa;
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa: - Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B9. - Trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép thì chuyển thực hiện bước B6.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	12 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	15 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.

B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Trưởng phòng	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B9	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B11.	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	07 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản, Quyết định phê tiên cấp quyền.
B11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép khai thác khoáng sản, Quyết định phê tiên cấp quyền hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản

			thông báo trả hồ sơ
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>		
3	BIỂU MẪU		
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	 Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ	 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ	 Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả	 Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	 Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ	 Mẫu 06.docx

	BM.ĐCKS.04.01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.04.01.doc x
	BM.ĐCKS.04.02	Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.04.02.doc x
	BM.ĐCKS.04.03	Giấy phép khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.04.03.doc x
	BM.ĐCKS.04.04	Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.04.04.doc x
	BM.ĐCKS.04.05	- Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.04.05.doc x
	BM.ĐCKS.04.06	Quyết định về việc điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.04.06.doc x
	BM.ĐCKS.04.07	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình  BM.ĐCKS.04.07.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	

-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có);
-	Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến (đối với trường hợp hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản);
-	Tờ trình; Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản;
-	Dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép;
-	Dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền;
-	Hồ sơ tính tiền cấp quyền;
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);
-	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
-	Giấy phép khai thác khoáng sản;
-	Quyết định điều chỉnh Giấy phép;
-	Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan.
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

5. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (đối với trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện).

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.05
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau: + Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;	

	+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản. + Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá. - Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá: + Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Nông nghiệp và Môi trường xét chọn; + Đã nộp tiền đặt trước theo quy định; + Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức cá nhân được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi tiến hành cuộc đấu giá. + Tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì không được tham gia bất kỳ cuộc đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá đó. - Đối tượng không được tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP, cụ thể là: + Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên. + Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS 05.01;	X	
-	Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính theo mẫu BM.ĐCKS 05.02;		X
-	Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện nếu trúng đấu giá theo mẫu BM.ĐCKS 05.03;	X	

	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
2.5	Thời hạn giải quyết: 34 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và UBND xã, phường nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	15 kể từ ngày niêm yết việc đấu giá	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ về Sở TN&MT; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc Dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Xét chọn hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn thì ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, các nhân (nêu rõ lý do) - Trường hợp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xét chọn thì thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá. - Hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá để thực hiện đấu giá theo quy định.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Trưởng phòng, Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo cho tổ chức, các nhân không được xét chọn (nêu rõ lý do); văn bản thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá; Phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân
B4	Thu tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	03 ngày	Tiền đặt cọc; Biên bản giao nhận tiền đặt trước
B5	Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Hội đồng đấu giá.	Giờ hành chính	Biên bản phiên đấu giá.
B6	Trên cơ sở kết quả phiên đấu giá dự thảo Tờ trình đề nghị UBND tỉnh phê duyệt	Chuyên viên được giao xử	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo; Tờ trình;

	kết quả trúng đấu giá; dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá trình Lãnh đạo phê duyệt.	lý hồ sơ		Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.
B7	Xem xét, ký nháy kết quả tại B6 theo thẩm quyền.	Lãnh đạo phòng Khoáng sản	01 ngày	Mẫu 05; Dự thảo; Tờ trình đã ký nháy; dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.
B8	Xem xét, ký duyệt kết quả tại B7 theo thẩm quyền.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05; Tờ trình đã ký duyệt; dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.
B9	Phát hành văn bản và trình hồ sơ lên UBND tỉnh giải quyết (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).	Văn thư; Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	0,5 ngày	Tờ trình kèm dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá và hồ sơ kèm theo.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.	UBND tỉnh	05 ngày	Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).
B11	Cán bộ TN&TKQ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá theo quy định.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	05 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.	Mẫu 01, 06; Văn bản thông báo kết quả trúng đấu giá/ Văn bản trả lời.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			

3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.05.01	Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.  BM.ĐCKS.05.01.doc x
	BM.ĐCKS.05.02	Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.

		 BM.ĐCKS.05.02.doc x
	BM.ĐCKS.05.03	Bản cam kết thực hiện dự án.  BM.ĐCKS.05.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Văn bản thông báo cho tổ chức, các nhân không được xét chọn (nêu rõ lý do); văn bản thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá;	
-	Biên bản giao nhận tiền đặt trước;	
-	Biên bản phiên đấu giá.	
-	Tờ trình kèm dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá;	
-	Kết quả thực hiện tại phiên đấu giá của Hội đồng đấu giá	
-	Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá;	
-	Văn bản thông báo kết quả trúng đấu giá.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

6. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (đối với trường hợp cuộc đấu giá do Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện).

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.06
----------	--------------------------	-------------------

2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau: + Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định; + Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản. + Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá. - Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá: + Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia cuộc đấu giá được Sở Nông nghiệp và Môi trường xét chọn; + Đã nộp tiền đặt trước theo quy định; + Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức cá nhân được tham gia cuộc đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Tổ chức đấu giá tài sản hoặc Sở Nông nghiệp và Môi trường trước khi tiến hành cuộc đấu giá. + Tổ chức, cá nhân tham gia cuộc đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì không được tham gia bất kỳ cuộc đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá đó. - Đối tượng không được tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP, cụ thể là: + Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên. + Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.06.01;	x	

-	Văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính theo mẫu BM.ĐCKS.06.02;			x
-	Chương trình sơ bộ việc đầu tư khai thác, chế biến sâu, tiêu thụ sản phẩm và bản cam kết thực hiện dự án nếu trúng đấu giá theo mẫu BM.ĐCKS.06.03.	x		
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính. ”			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
2.5	Thời hạn giải quyết: 34 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và UBND xã, phường nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Văn bản trả lời (có nếu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	15 kể từ ngày niêm yết việc đấu giá	Mẫu số 01; 02 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở TN&MT; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	- Trường hợp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn thì ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân (nêu rõ lý do). - Trường hợp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xét chọn thì thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá. - Hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá để thực hiện đấu giá theo quy định.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Trưởng phòng, Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân không được xét chọn (nêu rõ lý do); văn bản thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá; Phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân
B4	Thu tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	03 ngày	Biên bản nhận tiền đặt trước.

B5	Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Hội đồng đấu giá.	Giờ hành chính	Biên bản phiên đấu giá.
B6	Trên cơ sở kết quả phiên đấu giá dự thảo Tờ trình đề nghị UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá; dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá trình Lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo; Tờ trình; Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.
B7	Xem xét, ký nháy kết quả tại B6 theo thẩm quyền.	Lãnh đạo phòng Khoáng sản	01 ngày	Mẫu 05; Dự thảo; Tờ trình đã ký nháy; dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.
B8	Xem xét, ký duyệt kết quả tại B7 theo thẩm quyền.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05; Tờ trình đã ký duyệt; dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.
B9	Phát hành văn bản và trình hồ sơ lên UBND tỉnh giải quyết (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).	Văn thư; Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	0,5 ngày	Tờ trình kèm dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá và hồ sơ kèm theo.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.	UBND tỉnh	05 ngày	Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).
B11	Cán bộ TN&TKQ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá theo quy định.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	05 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá	Mẫu 01, 06; Văn bản thông báo kết quả trúng đấu giá/ Văn bản trả lời.

	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả		Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ		Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ		Mẫu 06.docx

	BM.ĐCKS.06.01	Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.  BM.ĐCKS.06.01.doc x
	BM.ĐCKS.06.02	Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản.  BM.ĐCKS.06.02.doc x
	BM.ĐCKS.06.03	Bản cam kết thực hiện dự án.  BM.ĐCKS.06.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Văn bản thông báo cho tổ chức, các nhân không được xét chọn (nêu rõ lý do); văn bản thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá cho tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá;	
-	Biên bản giao nhận tiền đặt trước;	
-	Biên bản phiên đấu giá.	
-	Tờ trình kèm dự thảo Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá;	
-	Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá;	
-	Văn bản thông báo kết quả trúng đấu giá.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

7. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.07	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không		
2.2	+ Thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; + Qua Dịch vụ bưu chính công ích. + Qua Cổng dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.07.01;	x	
-	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan theo mẫu BM.ĐCKS.07.02;	x	
-	Tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản;	x	
-	Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân;	x	
-	Báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản;	x	
-	Dữ liệu của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò (Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản; biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân; báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản) ghi trên đĩa CD (01 bộ).	x	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ), riêng đĩa CD 01 (một) bộ.		
2.5	Thời hạn giải quyết: 184 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh		

	- Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. Cơ quan được ủy quyền: Không. Cơ quan phối hợp: Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định phê duyệt/công nhận trữ lượng, tài nguyên khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ;			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho Phòng khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Kiểm tra hồ sơ:	Chuyên viên được giao xử lý		

	- Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện	hồ sơ; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo sở; Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra Báo cáo trữ lượng khoáng sản: Kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết. - Xin ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu về các nội dung liên quan trong Báo cáo thăm dò khoáng sản.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các chuyên gia; các cá nhân có liên quan (đối với trường hợp cần kiểm tra thực địa)	90 ngày	Mẫu 05; Văn bản đề nghị lấy ý kiến của các chuyên gia; Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có), Văn bản ý kiến của các chuyên gia.
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu: - Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt trữ lượng thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyên kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B9. - Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt trữ lượng thì chuyển thực hiện bước B6. - Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện báo cáo thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện báo cáo gửi cho tổ chức, cá nhân. + Nếu bổ sung, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu: Thực hiện bước tiếp theo.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	30 ngày	- Mẫu 05; Văn bản tổng hợp ý kiến của các chuyên gia hoặc Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và hồ sơ sau khi đã được bổ sung, hoàn thiện. Hoặc mẫu 05, 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo

	+ Nếu bổ sung, hoàn thiện không đáp ứng yêu cầu: tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ), chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B12.			
B6	- Tổ chức họp Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò và Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh. - Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt trữ lượng thì chuyển thực hiện bước B7. - Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện thì thực hiện theo bước B7.	Thành viên Hội đồng thẩm định, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	30 ngày	Mẫu 05, Biên bản họp hội đồng thẩm định; Phiếu nhận xét; kèm hồ sơ; Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và hồ sơ sau khi đã được bổ sung, hoàn thiện.
B7	Trên cơ sở kết quả tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định: - Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt: Thực hiện bước tiếp theo. - Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt: Dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy, lãnh đạo sở ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Hội đồng: Dự thảo Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện báo cáo (kèm theo biên bản họp Hội đồng), trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy, lãnh đạo sở ký duyệt, Văn thư đóng dấu và	Chuyên viên xử lý hồ sơ	13 ngày	Mẫu 05, 06; Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện báo cáo hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ

	chuyển cho tổ chức, cá nhân qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nếu bổ sung, chỉnh sửa đáp ứng yêu cầu: Thực hiện bước tiếp theo + Nếu bổ sung, chỉnh sửa không đáp ứng yêu cầu: Dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ, trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy, lãnh đạo sở ký duyệt, Văn thư đóng dấu và chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân			
B8	- Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản, trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.		Dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản; hồ sơ trình.
B9	Xem xét ký nháy kết quả tại B8.	Trưởng phòng	05 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo: Tờ trình và Quyết định phê duyệt trữ lượng đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B10	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B9.	Lãnh đạo Sở	05 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt trữ lượng đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B11	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết.	Văn thư	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình và dự thảo Quyết định phê

				duyet trừ lượng được ký duyet.
B12	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	07 ngày	Quyết định phê duyệt trừ lượng hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ; Văn bản trả lời (nêu rõ lý do).
B13	Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép và thu phí theo quy định.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Quyết định phê duyệt trừ lượng hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		

		 Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.07.01	Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản  BM.ĐCKS.07.01.doc x
	BM.ĐCKS.07.02	Báo cáo kết quả thăm dò  BM.ĐCKS.07.02.doc x
	BM.ĐCKS.07.03	Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản  BM.ĐCKS.07.03.doc x
	BM.ĐCKS.07.04	Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng  BM.ĐCKS.07.04.doc x
	BM.ĐCKS.07.05	Báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản

		 BM.ĐCKS.07.05.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra thực địa;	
-	Biên bản Hội đồng thẩm định;	
-	Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng;	
-	Văn bản ý kiến của các chuyên gia;	
-	Văn thông báo trả hồ sơ (nếu có)”; Văn bản trả lời (nêu rõ lý do);	
-	Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện báo cáo;	
-	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt trữ lượng;	
-	Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

8. Đóng cửa mỏ khoáng sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.08
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC:	

	- Tổ chức cá, nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản phê duyệt trước khi thực hiện. - Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng. - Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
a	Trường hợp phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản		
-	Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.08.01	x	
-	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.08.02;	x	
-	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ;	x	
-	Báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ;	x	
-	Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ bao gồm: + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho UBND các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường;		x

	+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.		
b	Trường hợp: Kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản		
-	Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mẫu số 21 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</i>);	x	
-	Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (<i>Mẫu số 32 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016</i>);	x	
-	Báo cáo kết quả kèm theo hồ sơ nghiệm thu đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	x	
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: 78 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn		
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân		
2.9	Kết quả giải quyết TTHC:		

	Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và Quyết định về việc đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
a	Phần 1: Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ; hồ sơ sau điều chỉnh bổ sung.

B4	Thẩm định đề án đóng cửa mỏ: - Xem xét hồ sơ, lấy ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định cho đề án đóng cửa mỏ. - Mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết). - Tổng hợp ý kiến nhận xét, phản biện của thành viên Hội đồng thẩm định; báo cáo Chủ tịch hội đồng thẩm định.	Chuyên viên giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Các thành viên Hội đồng thẩm định; Văn thư	15 ngày	- Mẫu 05, 06; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định; Văn bản ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định; Báo cáo tổng hợp ý kiến nhận xét.
B5	- Chuẩn bị các hồ sơ, nội dung liên quan và tổ chức phiên họp Hội đồng thẩm định.	Thành viên Hội đồng thẩm định; Chuyên viên giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư.	05 ngày	Mẫu 05; 06; Giấy mời tham gia họp Hội đồng thẩm định; Biên bản họp Hội đồng thẩm định; Bản nhận xét của thành viên Hội đồng.
B6	Sau phiên họp Hội đồng thẩm định: - Trường hợp Hội đồng thông qua Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì chuyển thực hiện bước tiếp theo. - Trường hợp không thông qua Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do và chuyển Trung tâm phục vụ hành chính công để trả cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp phải bổ sung hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua Đề án kèm biên bản họp Hội đồng thẩm định và gửi cho tổ chức, cá nhân. + Trường hợp bổ sung hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu: thực hiện bước tiếp theo. + Trường hợp bổ sung, hoàn chỉnh không đáp ứng yêu cầu thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do và chuyển Trung tâm phục vụ hành	Chuyên viên giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư	06 ngày (Không kể thời gian bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ)	Mẫu 05; 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo/ Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và hồ sơ sau khi đã được bổ sung, hoàn thiện.

	chính công để trả cho tổ chức, cá nhân”.			
B7	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, trình lãnh đạo phòng xem xét ký nháy	Công chức xử lý hồ sơ	07 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt đề án.
B8	Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở ký.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo tờ trình; dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B9	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B10	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư; Chuyên viên giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B11	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).	UBND tỉnh	07 ngày	Quyết định phê duyệt đề án hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B12	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Quyết định phê duyệt đề án hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do
B13	Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.	Tổ chức, cá nhân	Không tính vào thời gian giải quyết TTHC	Hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt; Báo cáo

				kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ
b	Phần 2: Kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Tổ chức kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, các cơ quan liên quan.	15 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.
B15	Căn cứ kết quả kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: - Trường hợp đủ điều kiện Quyết định đóng cửa mỏ thì dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định đóng cửa mỏ trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định đóng cửa mỏ theo bước B16.	Chuyên viên giao xử lý hồ sơ	03 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản / dự thảo Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công

	- Trường hợp chưa hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt thì dự thảo Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt trình Lãnh đạo phòng ký nháy theo bước B16. - Trường hợp không đủ điều kiện dự thảo Văn bản trả lời nêu rõ lý do, trình lãnh đạo phòng xem xét ký nháy			việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt; dự thảo Văn bản trả lời nêu rõ lý do
B16	Lãnh đạo phòng duyệt hồ sơ trình Lãnh đạo Sở ký.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đã được lãnh đạo phòng xác nhận/ dự thảo Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt hoặc dự thảo Văn bản trả lời nêu rõ lý do
B17	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05; Tờ trình và dự thảo Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản/Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.

B18	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân.	Văn thư; Cán bộ TN&TKQ; Chuyên viên giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B19	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh).	UBND tỉnh	07 ngày	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B20	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 06,01; Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		

	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.08.01	Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản/đề án đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng.  BM.ĐCKS.08.01.doc x
	BM.ĐCKS.08.02	Đề án đóng cửa mỏ  BM.ĐCKS.08.02.doc x
	BM.ĐCKS.08.03	Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản  BM.ĐCKS.08.03.doc x
	BM.ĐCKS.08.04	Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản  BM.ĐCKS.08.04.doc x
	BM.ĐCKS.08.05	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản


 BM.ĐCKS.08.05.doc
x

4	HỒ SƠ LƯU:
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);
-	Biên bản kiểm tra thực địa;
-	Văn bản lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định; Báo cáo tổng hợp ý kiến nhận xét.
-	Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định và Biên bản thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
-	Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
-	Biên bản kiểm tra thực địa và nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được phê duyệt (nếu có)
-	Tờ trình và dự thảo Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;
-	Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;
-	Quyết định phê duyệt đóng cửa mỏ khoáng sản.
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

9. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.09
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	

2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản được gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: - Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản. - Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản. - Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản, cụ thể: + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường; + Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; - Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan. - Tại thời điểm đề nghị gia hạn, kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo phải phù hợp với Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước.
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn

2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.09.01;	x	
-	Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn theo mẫu BM.ĐCKS.09.02;	x	
-	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn theo mẫu BM.ĐCKS.09.03;	x	
-	Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn bao gồm: + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho UBND các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh		

	- Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.

B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ, hồ sơ sau điều chỉnh bổ sung.
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến đến gia hạn Giấy phép khoáng sản, tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). - Trường hợp không đủ điều kiện gia hạn Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân. - Trường hợp đủ điều kiện gia hạn Giấy phép thì chuyển thực hiện bước B5.	Chuyên viên xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các tổ chức, cá nhân có liên quan.	28 ngày (Không kể thời gian bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ)	- Mẫu 05, 06 Biên bản kiểm tra thực địa/ Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ)".
B5	Dự thảo Tờ trình kèm dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy	Chuyên viên xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo: Tờ trình, Giấy phép (gia hạn).
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo tờ trình và dự thảo Giấy phép (gia hạn).
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Giấy phép (gia hạn) đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.

B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư; Công chức xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Giấy phép (gia hạn) đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	05 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, công chức TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ		

		 Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.09.01	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.09.01.doc x
	BM.ĐCKS.09.02	Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn  BM.ĐCKS.09.02.doc x
	BM.ĐCKS.09.03	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn  BM.ĐCKS.09.03.doc x
	BM.ĐCKS.09.04	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn)  BM.ĐCKS.09.04.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	

-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3 ;
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có)
-	Biên bản kiểm tra (nếu có);
-	Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn);
-	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn).
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

10. Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.10	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.10.01;	x	
-	Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.10.02;	x	
-	Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.	x	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		

2.5	Thời hạn giải quyết: 33 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do),			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.

	chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.			
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo sở; Văn thư.	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ”
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu; kiểm tra thực địa; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khai thác tận thu. - Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép khai thác tận thu thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B8. - Trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy phép khai thác tận thu thì chuyển thực hiện bước B5.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan.	05 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.
B5	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, Hồ sơ tính tiền cấp quyền trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	15 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, Hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền

				cấp quyền, Hồ sơ tính tiền cấp quyền đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, Hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B8	Đóng dấu và phát hành văn bản: Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư, chuyên viên được giao xử lý hồ sơ tại TTHC công tỉnh	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, Hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	05 ngày	Giấy phép, Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền hoặc Văn bản trả lời có nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Giấy phép, Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền hoặc Văn bản trả lời hoặc Văn bản

				thông báo trả hồ sơ”.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx		

	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.10.01	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản  BM.ĐCKS.10.01.doc x
	BM.ĐCKS.10.02	Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản;  BM.ĐCKS.10.02.doc x
	BM.ĐCKS.10.03	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản  BM.ĐCKS.10.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra;	
-	Văn bản trả lời có nêu rõ lý do, Văn bản thông báo trả hồ sơ, Văn bản thông báo bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ và Hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh (nếu có);	
-	Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;	
-	Dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền;	
-	Hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;	
-	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền;	
-	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;	

Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.

11. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.11
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật Khoáng sản, bao gồm: + Có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã. + Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản. - Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác và các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản, bao gồm: + Đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác; + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho UBND các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường; + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; - Khu vực được phép khai thác không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khoáng sản.	

	- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.11.01;	x	
-	Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng;	x	
-	Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng theo mẫu BM.ĐCKS.11.02;	x	
-	Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.11.03;	x	
-	Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng bao gồm: + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho UBND các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;		x

-	Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài).			x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền; + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
2.5	Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ, hồ sơ sau điều chỉnh bổ sung.
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích đề nghị chuyển nhượng; các tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến chuyển nhượng Giấy phép khoáng sản, tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). - Trường hợp không đủ điều kiện chuyển nhượng Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân. - Trường hợp đủ điều kiện chuyển nhượng Giấy phép thì chuyển thực hiện bước B5.	Chuyên viên xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các tổ chức, cá nhân có liên quan.	28 ngày (Không kể thời gian bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ)	- Mẫu 05, 06 Biên bản kiểm tra thực địa/ Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ)".
B5	Dự thảo Tờ trình kèm dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyên	Chuyên viên xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo: Tờ

	nhượng) trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy			trình, Giấy phép (chuyển nhượng)
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo tờ trình và dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng).
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng) đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư; Công chức xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Giấy phép (chuyển nhượng) đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	05 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, công chức TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép khai thác khoáng sản (chuyển nhượng) hoặc Văn bản trả

				lời nêu rõ lý do.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx		
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx		

	BM.ĐCKS.11.01	Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.11.01.doc X
	BM.ĐCKS.11.02	- Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng;  BM.ĐCKS.11.02.doc X
	BM.ĐCKS.11.03	- Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;  BM.ĐCKS.11.03.doc X
	BM.ĐCKS.11.04	Giấy phép khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.11.04.doc X
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có)”. Biên bản kiểm tra (nếu có);	
-	Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản;	
-	Giấy phép khai thác khoáng sản.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

12. Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.12		
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH			
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không			
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao	
-	Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.12.01	x		
-	Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn theo mẫu BM.ĐCKS.12.02;	x		
-	Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn: + Nộp lệ phí cấp phép, các khoản thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; + Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường; + Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; + Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong khu vực khai thác khoáng sản;		x	

	+ Đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực; + Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.			
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo sở; Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan gia hạn; Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp phức tạp tham mưu tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). - Trường hợp không đủ điều kiện gia hạn thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B8.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (trường hợp kiểm tra thực địa).	03 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.

	- Trường hợp đủ điều kiện gia hạn thì chuyển thực hiện bước B5.			
B5	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn), trình lãnh đạo phòng xem xét ký nháy	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	06 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn).
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn).
B8	Đóng dấu và phát hành văn bản: Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư, chuyên viên được giao xử lý hồ sơ tại TTHC công tỉnh	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn).
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	03 ngày	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.

** Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.*

** Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: <https://motcua.hatinh.gov.vn> với các bước trong quy trình.*

3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Mẫu 01.docx Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	Mẫu 02	Mẫu 02.docx Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ
	Mẫu 03	Mẫu 03.docx Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	Mẫu 04	Mẫu 04.docx Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
	Mẫu 05	Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	Mẫu 06	Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ
	BM.ĐCKS.12.01	BM.ĐCKS.12.01.docx Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
	BM.ĐCKS.12.02	- Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

		 BM.ĐCKS.12.02.doc x
	BM.ĐCKS.12.03	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn).  BM.ĐCKS.12.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);	
-	Văn bản yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có); Hồ sơ bổ sung, chỉnh sửa (nếu có)	
-	Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn);	
-	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (gia hạn).	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

13. Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.13	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không		
2.2	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.13.01;	x	
-	Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;	x	
-	Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép theo mẫu BM.ĐCKS.13.02;	x	
-	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.13.04;	x	
-	Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: 21 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		

2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.

B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo sở; Văn thư	04 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan trả lại giấy phép; Trong quá trình thẩm định hồ sơ, trường hợp phức tạp tham mưu tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). - Trường hợp không đủ điều kiện trả lại giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B8. - Trường hợp đủ điều kiện trả lại giấy phép thì chuyển thực hiện bước B5.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (TH kiểm tra thực địa).	03 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.
B5	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản trình lãnh đạo phòng xem xét ký nháy	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	06 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng

				sản đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.
B8	Đóng dấu và phát hành văn bản: Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư, chuyên viên được giao xử lý hồ sơ tại TTHC công tỉnh	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	03 ngày	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.

	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	 Mẫu 01.docx Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	Mẫu 02	 Mẫu 02.docx Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ
	Mẫu 03	 Mẫu 03.docx Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	Mẫu 04	 Mẫu 04.docx Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
	Mẫu 05	 Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ
	BM.ĐCKS.13.01	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản  BM.ĐCKS.13.01.docx
	BM.ĐCKS.13.02	Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép;

		 BM.ĐCKS.13.02.doc X
	BM.ĐCKS.13.03	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;  BM.ĐCKS.13.03.doc X
	BM.ĐCKS.13.04	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;  BM.ĐCKS.13.04.doc X
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có)”. .	
-	Công văn yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có);	
-	Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép trả lại Giấy phép;	
-	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

14. Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.14	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.14.01;	x	
-	Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại theo mẫu BM.ĐCKS.14.02;	x	
-	Giấy phép khai thác khoáng sản;	x	
-	Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại theo mẫu BM.ĐCKS.14.03;	x	
-	Đề án đóng cửa mỏ hoặc đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác;	x	
-	Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại bao gồm: + Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; + Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; + Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép		x

	và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; + Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản (nếu có); + Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; + Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.			
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ hoặc dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo bổ sung, điều chỉnh hồ sơ, hồ sơ sau điều chỉnh bổ sung.
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích đề nghị trả lại; các tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến đến trả lại Giấy phép khoáng sản, tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). - Trường hợp không đủ điều kiện trả lại Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyển	Chuyên viên xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, Văn thư, các tổ chức, cá nhân có liên quan.	28 ngày (Không kể thời gian bổ sung, chỉnh	- Mẫu 05, 06 Biên bản kiểm tra thực địa/Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ)".

	kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân. - Trường hợp đủ điều kiện trả lại Giấy phép thì chuyển thực hiện bước B5.		sửa hồ sơ)	
B5	Dự thảo Tờ trình kèm dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy	Chuyên viên xử lý hồ sơ	02 ngày	Mẫu 05; Dự thảo: Tờ trình, Quyết định cho phép trả lại giấy phép
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo tờ trình và dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư; Công chức xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	05 ngày	Quyết định cho phép trả lại giấy phép hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, công chức TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Quyết định cho phép trả lại giấy phép hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do.

	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.14.01	Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

		 BM.ĐCKS.14.01.doc x
	BM.ĐCKS.14.02	- Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại  BM.ĐCKS.14.02.doc x
	BM.ĐCKS.14.03	Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác  BM.ĐCKS.14.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3 ;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra (nếu có);	
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có).	
-	Tờ trình, dự thảo Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản;	
-	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

15. Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện

tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.15	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình: + Có quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; + Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. - Đối với Thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch: + Có quyết định phê duyệt dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; + Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
a	Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình		
-	Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.15.01;	X	
-	Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;		X
-	Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;		X

b	Đối với thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch		
-	Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi thông luồng theo mẫu theo mẫu BM.ĐCKS.15.02	x	
-	Bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi theo mẫu BM.ĐCKS.15.03	x	
-	Kế hoạch, thời gian thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;		x
-	Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;		x
-	Hợp đồng thuê bến bãi chứa cát (nếu có).		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hà Tĩnh thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính”.		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: 57 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn		
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.		

2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Bản xác nhận đăng ký khai thác.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo.
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản trả hồ sơ (nếu không đủ điều kiện giải quyết).

B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và tổ chức kiểm tra thực địa. - Thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan.	10 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan.
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa: - Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B11. - Trường hợp đủ điều kiện đăng ký thì chuyên thực hiện bước B6. - Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện thì thực hiện theo bước B6.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	10 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo/ Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và hồ sơ sau khi đã được bổ sung, hoàn thiện.
B6	Trên cơ sở kết quả thực hiện tại bước B5. - Trường hợp đủ điều kiện đăng ký thì dự thảo Tờ trình, dự thảo Bản xác nhận, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền trình Lãnh đạo phòng xem xét ký hồ sơ tính tiền cấp quyền và ký nháy dự thảo Tờ trình, dự thảo Bản xác nhận, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền theo bước B7. - Trường hợp sau bổ sung hoàn thiện hồ sơ vẫn không đủ điều kiện Đăng ký thì dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng ký nháy theo bước B7.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	20 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình, dự thảo Bản xác nhận, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Trưởng phòng	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ

				trình, dự thảo Bản xác nhận, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Bản xác nhận, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B9	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B11.	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Bản xác nhận, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	07 ngày	Bản xác nhận, Quyết định phê tiên cấp quyền.
B11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Bản xác nhận, Quyết định phê tiền cấp quyền.

	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx

	BM.ĐCKS.15.01	Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.15.01.doc X
	BM.ĐCKS.15.02	Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi thông luồng  BM.ĐCKS.15.02.doc X
	BM.ĐCKS.15.03	Bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi  BM.ĐCKS.15.03.doc X
	BM.ĐCKS.15.04	Bản xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình  BM.ĐCKS.15.04.doc X
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Tờ trình;	
-	Dự thảo Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản	
-	Dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền;	
-	Hồ sơ tính tiền cấp quyền;	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);	

-	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
-	Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản;
-	Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan.
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

16. Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.16		
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH			
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không			
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:		Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.16.01;		X	
-	Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.16.02;		X	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
2.5	Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích.			

	- Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; Cơ quan được ủy quyền: Không; Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản hoặc Văn bản trả lời (có nêu rõ lý do).			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ tổ chức/cá nhân hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Cán bộ TN&TKQ hoặc Dịch vụ bưu chính công ích; Văn thư; Lãnh đạo phòng	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và hồ sơ kèm theo

B3	Thẩm định hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện: Tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời có nêu rõ lý do (kèm hồ sơ) chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B...”. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện: Tham mưu Sở ban hành Văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) và Văn bản mời các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra thực địa (nếu cần thiết). Thực hiện bước tiếp theo”	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo Phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư”.	03 ngày	Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời có nêu rõ lý do (kèm hồ sơ). Hoặc mẫu 05; Văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu cần thiết); Văn bản mời các Sở, ngành liên quan và chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra thực địa (nếu cần thiết).
B4	- Tổ chức kiểm tra thực địa (nếu cần thiết), lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu cần thiết). - Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa/lấy ý kiến các cơ quan liên quan: + Trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt chấp thuận kế hoạch thì dự thảo Văn bản trả lời có nêu rõ lý do trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy theo bước B6. + Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt chấp thuận kế hoạch thì dự thảo Tờ trình, dự thảo Thông báo chấp thuận kế hoạch trình Lãnh đạo phòng xem xét ký nháy dự thảo Tờ trình, Thông báo chấp thuận kế hoạch theo B6.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	01 ngày	Mẫu 05; Ý kiến các cơ quan liên quan (nếu có); Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có); Dự thảo: Tờ trình, Thông báo chấp thuận kế hoạch; Văn bản trả lời có nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B5	Xem xét, ký nháy kết quả thực hiện tại B4.	Lãnh đạo Phòng	01 ngày	Mẫu 05; dự thảo Tờ trình kèm dự thảo Thông báo chấp

				thuận kế hoạch; dự thảo Văn bản trả lời có nêu rõ lý do đã được ký nháy và hồ sơ kèm theo.
B6	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05; Tờ trình kèm dự thảo Thông báo chấp thuận kế hoạch; Văn bản trả lời có nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B7	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản trả lời có nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B9.	Văn thư	0,5 ngày	- Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Thông báo chấp thuận kế hoạch. - Hoặc mẫu 05, 06; Văn bản trả lời có nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B8	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	03 ngày	Thông báo chấp thuận kế hoạch hoặc văn bản Thông báo không chấp thuận kế hoạch
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá	Giờ hành chính	Mẫu 01, 06; Thông báo chấp thuận kế hoạch

	chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	nhân		hoặc Văn bản trả lời có nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo không chấp thuận kế hoạch và hồ sơ kèm theo.
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx		
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx		
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx		

	Mẫu 05	 Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ
	BM.ĐCKS.16.01	 BM.ĐCKS.16.01.doc x Văn bản đề nghị khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
	BM.ĐCKS.16.02	 BM.ĐCKS.16.02.doc x Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.
4	HỒ SƠ LƯU:	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Văn bản mời các Sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra thực địa (nếu có); Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có).	
-	Văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan; Văn bản cho ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có);	
-	Tờ trình đề nghị của Sở kèm dự thảo Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản;	
-	Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản được phê duyệt.	

Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.

17. Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.17
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: * Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật Khoáng sản bao gồm: + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam. * Được lựa chọn theo quy định tại Điều 36 của Luật Khoáng sản; Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP. * Là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò theo quy định của Luật Khoáng sản; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và môi trường bao gồm: (1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản: - Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. - Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ. - Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã. - Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản. (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản: - Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm: + Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;	

+ Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;

+ Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản:

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản thực hiện nhiệm vụ thi công đề án thăm dò phải đáp ứng các điều kiện về thời gian kinh nghiệm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Khoáng sản và đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò khoáng sản độc hại; đối với các đề án thăm dò khoáng sản khác, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 đề án thăm dò.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 đề án thăm dò khoáng sản. Khi lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản phải có thời gian chỉ đạo thi công ít nhất bằng 25% thời gian thi công đề án thăm dò được quy định trong giấy phép thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản:

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

* Khu vực đề nghị thăm dò có diện tích:

+ Không quá 50 kilômét vuông (km^2) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

+ Không quá 100 kilômét vuông (km^2) đối với than, bauxit, khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 200 kilômét vuông (km^2) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km^2) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km^2) ở vùng có mặt nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km^2) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

* Khu vực đề nghị thăm dò:

	+ Không có tổ chức, Cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò; * Đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch khoáng sản; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản; * Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
a	Đối với doanh nghiệp mới thành lập		
-	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.17.01;	x	
-	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.17.02;	x	
-	Đề án thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.17.03;	x	
-	Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; cụ thể: + Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.		x
b	Đối với doanh nghiệp đang hoạt động		
-	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.KS.01.01;	x	

-	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.KS.01.03;	x	
-	Đề án thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.KS.01.02;	x	
-	Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; cụ thể: + Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.		x
c	Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
-	Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.17.01;	x	
-	Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.17.02;	x	
-	Đề án thăm dò khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.17.03;	x	
-	Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định tại điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; cụ thể: + Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã; + Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i>		

	+ Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thì kèm theo bản chính để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền. + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính hoặc bản chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.”			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).			
2.5	Thời hạn giải quyết: 87 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường. Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh Cơ quan được ủy quyền: Không Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban, ngành và địa phương liên quan.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc từ Dịch vụ Bưu chính công ích hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ:	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02; 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3

	- Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Cán bộ TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: * Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (TH1) - Thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân, loại khoáng sản, vị trí khu vực thăm dò tại trụ sở Sở Nông nghiệp và Môi trường và trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, báo đấu thầu - Lựa chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân tại trụ sở Sở Nông nghiệp và Môi trường và trên Trang thông tin điện tử	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo sở; Văn thư.	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh

	của UBND tỉnh và chuyển xuống B4. - Các hồ sơ không được lựa chọn tham mưu văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị và nêu rõ lý do không được lựa chọn. * Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản (TH2) - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển xuống B4 để thực hiện.			
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa; - Gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trong trường hợp phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức hữu quan về các vấn đề liên quan	Thành viên Hội đồng thẩm định, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở, các chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu.	38 ngày	Mẫu 05, Biên bản họp Hội đồng thẩm định, Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có); Phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng; kèm hồ sơ; Văn bản lấy ý kiến các chuyên gia; Văn bản cho ý kiến chuyên gia.

	đến việc cấp phép thăm dò khoáng sản; - Thẩm định nội dung đề án thăm dò: + Xin ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu. + Tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). + Tham mưu thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án và tổ chức Họp đồng kỹ thuật, tổ chức kiểm tra thực địa (nếu thấy cần thiết). + Tổ chức họp Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò và Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh (nếu thấy cần thiết).			
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa; lấy ý kiến các chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu; thành viên Hội đồng thẩm định, Hội đồng kỹ thuật (nếu có): - Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thăm dò thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ chuyên kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B9.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	08 ngày (Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian giải quyết TTHC)	- Mẫu 05, 06; Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo/ Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và hồ sơ sau khi đã được bổ sung, hoàn thiện.

	- Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép thăm dò thì chuyển thực hiện bước B6. - Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện đề án thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện đề án gửi cho tổ chức, cá nhân + Nếu hồ sơ bổ sung, hoàn thiện đáp ứng yêu cầu: Thực hiện bước tiếp theo. + Nếu hồ sơ bổ sung, hoàn thiện không đáp ứng yêu cầu: tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo trả hồ sơ (kèm hồ sơ), chuyển Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B6”.			
B6	Trên cơ sở kết quả thực hiện tại bước B5: - Trường hợp đủ điều kiện cấp giấy phép thăm dò thì Dự thảo Tờ trình đề nghị UBND tỉnh, dự thảo Giấy phép thăm dò khoáng sản, trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy - Trường hợp hồ sơ sau bổ sung hoàn thiện vẫn không đủ điều kiện cấp giấy phép thăm dò thì dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	20 ngày	Mẫu 05; Dự thảo: Tờ trình, Giấy phép thăm dò khoáng sản
B7	Xem xét ký nháy kết quả tại B6.	Trưởng phòng	05 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo: Tờ trình, Giấy phép thăm dò

				khoáng sản đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	05 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình và dự thảo Giấy phép thăm dò khoáng sản đã được lãnh đạo Sở ký duyệt.
B9	Đóng dấu và phát hành văn bản. - Trình hồ sơ sang UBND tỉnh qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Hoặc chuyển Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho tổ chức, cá nhân theo bước B11.	Văn thư	0,5 ngày	Hồ sơ, Tờ trình và dự thảo Giấy phép thăm dò khoáng sản được ký duyệt.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh	07 ngày	Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc Văn bản trả lời có nêu rõ lý do.
B11	Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép và thu phí theo quy định.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ và hồ sơ kèm theo.

	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>	
3	BIỂU MẪU (Các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thực hiện TTHC)	
	Mẫu 01	 Mẫu 01.docx Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
	Mẫu 02	 Mẫu 02.docx Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ
	Mẫu 03	 Mẫu 03.docx Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
	Mẫu 04	 Mẫu 04.docx Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả
	Mẫu 05	 Mẫu 05.docx Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
	Mẫu 06	 Mẫu 06.docx Sổ theo dõi hồ sơ
	BM.ĐCKS .17.011	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;  BM.ĐCKS.17.01.docx

	BM.ĐCKS .17.02	- Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản BM.ĐCKS.17.02.doc x
	BM.ĐCKS .17.03	Đề án thăm dò khoáng sản BM.ĐCKS.17.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01; 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ theo mục 2.3 và hồ sơ sau bổ sung hoàn thiện (nếu có):	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);	
-	Văn bản lấy ý kiến của các chuyên gia; Văn bản cho ý kiến của các chuyên gia.	
-	Biên bản họp Hội đồng thẩm định;	
-	Phiếu nhận xét các thành viên Hội đồng;	
-	Công văn yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa hồ sơ (nếu có);	
-	Tờ trình; dự thảo Giấy phép thăm dò khoáng sản;	
-	Giấy phép thăm dò khoáng sản.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

18. Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.18	
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: + Có quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; + Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản; + Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt; + Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV. - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: + Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản; + Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt; + Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao

a	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		
-	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.18.01	x	
-	Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định.		x
-	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV.		x
-	Các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản như sau: * Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau: + Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; + Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức. * Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau: + Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; + Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất. * Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau: + Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã; + Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.		x

b	- Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và Khoáng sản		
-	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.18.01	x	
-	Phương án khai thác khoáng sản nhóm IV.	x	
-	Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công.		x
-	Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV		x
	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thì kèm theo bản gốc để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền		
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật Địa chất và Khoáng sản: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và Khoáng sản: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn		
2.7	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.		

2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
a	Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh

B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra, rà soát các hồ sơ, tài liệu, các nội dung liên quan đến cấp phép (kiểm tra tọa độ, diện tích... và thực địa), thẩm định, xử lý hồ sơ. - Trong trường hợp cần thiết lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan liên quan về khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).	12 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan;
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B10. - Trường hợp đủ điều kiện cấp phép thì Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	07 ngày	- Mẫu 05, 06; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê tiền

				cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	03 ngày	Giấy phép, Quyết định phê tiên cấp quyền Văn hoặc bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép, Quyết định phê tiên cấp quyền; hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
b	Trường hợp đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và Khoáng sản.			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính “Cổng dịch vụ công Quốc gia” https://dichvucong.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.

	- Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.			
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra, rà soát các hồ sơ, tài liệu, các nội dung liên quan đến cấp phép (kiểm tra tọa độ, diện tích... và thực địa), thẩm định, xử lý hồ sơ. - Trong trường hợp cần thiết lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan liên quan về khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan.	05 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan;
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B10. - Trường hợp đủ điều kiện cấp phép thì Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	03 ngày	- Mẫu 05, 06; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.

B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Giấy phép, dự thảo Quyết định phê tiên cấp quyền, hồ sơ tính tiền cấp quyền.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	02 ngày	Giấy phép, Quyết định phê tiên cấp quyền Văn hoặc bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép, Quyết định phê tiền cấp quyền; hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i>				

	<i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcuahatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>	
3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.18.01	Văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác nhóm IV  BM.ĐCKS.18.01.doc x

	BM.KS.18.02	Bản đồ trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV  BM.ĐCKS.18.02.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có);	
-	Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến.	
-	Tờ trình; Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;	
-	Dự thảo Quyết định phê tiền cấp quyền;	
-	Hồ sơ tính tiền cấp quyền;	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);	
-	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;	
-	Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;	
-	Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

19. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.19
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	

2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện: + Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; + Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị gia hạn, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; + Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác. - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện: + Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV; + Dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong Giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời gian gia hạn giấy phép khai thác.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
a	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản:		

-	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.19.01	x	
-	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.19.02	x	
-	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.19.02	x	
-	Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo mẫu BM.ĐCKS.19.03	x	
-	Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của pháp luật;		x
-	Các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.		x
b	Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và Khoáng sản		
-	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác;	x	
-	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác;	x	
-	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác;	x	
-	Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;	x	
-	Văn bản điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện các dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác;		x
-	Các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản.		x

	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thì kèm theo bản gốc để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
2.5	Thời hạn giải quyết: - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và Khoáng sản: 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và Khoáng sản: 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (Gia hạn) hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
a	Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.			

B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra, rà soát các hồ sơ, tài liệu, các nội dung liên quan đến gia hạn cấp phép (kiểm tra tọa độ, diện tích... và thực địa), thẩm định, xử lý hồ sơ. - Trong trường hợp cần thiết lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời	11 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan;

		gian giải quyết TTHC).		
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện gia hạn Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B10. - Trường hợp đủ điều kiện gia hạn phép thì Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép gia hạn trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	03 ngày	- Mẫu 05, 06; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn).

B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	03 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ gia hạn Giấy phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép khai thác (Gia hạn) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
b	Trường hợp đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và Khoáng sản.			
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo

B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra, rà soát các hồ sơ, tài liệu, các nội dung liên quan đến gia hạn cấp phép (kiểm tra tọa độ, diện tích... và kiểm tra thực địa), thẩm định, xử lý hồ sơ. - Trong trường hợp cần thiết lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc UBND tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).	04 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan;
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện gia hạn Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B11. - Trường hợp không đủ điều kiện gia hạn Giấy phép thì Dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	02 ngày	- Mẫu 05, 06; dự thảo Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B5.	Trưởng phòng	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Tờ

				trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B7	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B6.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn).
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản.
B9	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	02 ngày	Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) hoặc bản trả lời nêu rõ lý do.
B10	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ gia hạn Giấy phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Giấy phép khai thác (Gia hạn) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		

	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.19.01	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép  BM.ĐCKS.19.01.doc x
	BM.ĐCKS.19.02	Báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản nhóm IV  BM.ĐCKS.19.02.doc x
	BM.ĐCKS.19.03	Kế hoạch khai thác khoáng sản trong thời gian tiếp theo  BM.ĐCKS.19.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	

-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có);
-	Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến.
-	Tờ trình; Dự thảo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (gia hạn);
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);
-	Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (gia hạn);
-	Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan.
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

20. Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.20
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: + Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; + Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; + Đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng, phải có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ở phần mở rộng hoặc xuống sâu của khu vực khai thác;	

	+ Đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị điều chỉnh, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; đ) Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV. - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: + Đáp ứng điều kiện: trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; + Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác có kèm theo điều chỉnh thời hạn khai thác, dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời hạn khai thác điều chỉnh; + Đối với trường hợp thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, dự án, công trình sử dụng khoáng sản đề nghị thay đổi hoặc bổ sung vào giấy phép khai thác phải do tổ chức được cấp giấy phép khai thác là nhà thầu thi công.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.20.01	x	
-	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được	x	

	cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi.		
-	Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi theo mẫu BM.ĐCKS.20.02	x	
-	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi theo mẫu BM.ĐCKS.20.03	x	
-	Đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản và một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;	x	
-	Các văn bản chứng minh tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị điều chỉnh, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản đối với các trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác; thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác; dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi; văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án, công trình, sử dụng khoáng sản đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi.		x

	<i>* Lưu ý khi nộp hồ sơ trường hợp yêu cầu bản sao:</i> + Nếu nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thì kèm theo bản gốc để đối chiếu; + Nếu nộp hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia thì quét (Scan) từ bản chính; + Nếu nộp hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính công ích thì nộp bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền			
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
2.5	Thời hạn giải quyết: - Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và Khoáng sản: 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và Khoáng sản: 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
a	Trường hợp đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.			

B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh

B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích và thực địa, thẩm định, xử lý hồ sơ; - Trong trường hợp cần thiết lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan liên quan về khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan. - Lấy ý kiến Sở Xây dựng về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp: thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép; mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản; tăng công suất khai thác khoáng sản; giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác. - Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định đề án đóng cửa mỏ.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).	12 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan;
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện điều chỉnh Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B11. - Trường hợp đủ điều kiện điều chỉnh Giấy phép thì chuyển xuống B6.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	02 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền (nếu có), Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (nếu có) trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	03 ngày	Mẫu 05; kèm hồ sơ; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh, dự thảo Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền (nếu

				có), Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (nếu có).
B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền (nếu có), Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (nếu có) đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền (nếu có), Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (nếu có).
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết.	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp

				quyền (nếu có), Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (nếu có).
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	03 ngày	Quyết định điều chỉnh Giấy phép, Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai (nếu có), Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (nếu có) hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản, Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền (nếu có), Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ (nếu có); hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
b	Trường hợp đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và Khoáng sản.			

B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích và thực địa, thẩm định, xử lý hồ sơ; - Trong trường hợp cần thiết lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan liên quan về khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan. - Lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).	05 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến; Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan;

B5	Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện điều chỉnh Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B11. - Trường hợp không đủ điều kiện điều chỉnh Giấy phép thì chuyển xuống B6.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	02 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	02 ngày	Mẫu 05; kèm hồ sơ; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ
B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Trưởng phòng	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ đã được lãnh đạo phòng xác nhận.

B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	02 ngày	Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>				

3	BIỂU MẪU	
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.20.01	Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác nhóm IV  BM.ĐCKS.20.01.doc x
	BM.ĐCKS.20.02	Kế hoạch khai thác khoáng sản trong thời gian tiếp theo  BM.ĐCKS.20.02.doc x

	BM.ĐCKS.20.03	Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.20.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có);	
-	Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến, Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan.	
-	Tờ trình, dự thảo Quyết định điều chỉnh Giấy phép, dự thảo Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);	
-	Quyết định điều chỉnh Giấy phép, Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền (nếu có), Hồ sơ tính tiền cấp quyền, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

21. Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.21
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Giấy phép khai thác được xem xét cho phép trả lại khi tổ chức, cá nhân có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác.	
2.2	Cách thức thực hiện TTHC:	

	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị trả lại Giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.21.01	x	
-	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác.	x	
-	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản theo mẫu BM.ĐCKS.21.02	x	
-	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác theo mẫu BM.ĐCKS.21.03	x	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn		
2.7	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. - Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.		
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.		
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.		
2.10	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; - Kiểm tra tại thực địa; - Gửi văn bản lấy ý kiến Sở Xây dựng về việc trả lại giấy phép khai thác.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý	10 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị Sở Xây dựng cho ý kiến; Văn bản ý kiến của Sở Xây dựng;

		kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).		
B5	- Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi kiểm tra thực địa, lấy ý kiến của Sở Xây dựng; - Trường hợp không đủ điều kiện trả lại Giấy phép thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B11. - Trường hợp đủ điều kiện trả lại Giấy phép Trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định và chuyển xuống B6	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	05 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định trả lại giấy phép khai thác, dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ, trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	04 ngày	Mẫu 05; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định trả lại giấy phép khai thác, dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.
B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Trưởng phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định trả lại giấy phép khai thác, dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ đã được lãnh đạo phòng xác nhận.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Tờ trình, dự thảo Quyết định trả lại giấy phép khai thác, dự thảo Quyết định

				phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản và chuyển hồ sơ sang UBND tỉnh (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	0,5 ngày	Mẫu 05, 06; Hồ sơ, Tờ trình, dự thảo Quyết định trả lại giấy phép khai thác, dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.
B10	UBND tỉnh xem xét, giải quyết. Chuyển kết quả xử lý cho Sở NN&MT (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công.	UBND tỉnh.	03 ngày	Quyết định trả lại giấy phép khai thác, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B11	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: Sau khi nhận được kết quả giải quyết, cán bộ TN&TKQ thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép.	Cán bộ TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Quyết định trả lại giấy phép khai thác, Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ hoặc Văn bản trả lời nêu rõ lý do hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả		

		 Mẫu 01.docx
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ  Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.21.01	Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác  BM.ĐCKS.21.01.doc x
	BM.KS.21.02	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản  BM.ĐCKS.21.02.doc x
	BM.KS.21.03	Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV

		 BM.ĐCKS.21.03.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	
-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);	
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có);	
-	Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến.	
-	Tờ trình; Dự thảo Quyết định trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; Dự thảo Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ	
-	Biên bản kiểm tra thực địa (nếu có);	
-	Quyết định trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV;	
-	Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ;	
-	Văn bản ý kiến của các cơ quan có liên quan.	
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.		

22. Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.22
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH	
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: - Cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 phải ký hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025;	

	- Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 có đủ năng lực thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo các nội dung quy định tại Điều 4 Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025 có thể tự thực hiện hoặc ký hợp đồng với tổ chức có đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá. Trong trường hợp không có đủ năng lực để thực hiện thì phải ký hợp đồng với tổ chức đủ năng lực để thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.		
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn		
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:	Bản chính	Bản sao
a	Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất		
-	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo mẫu BM.ĐCKS.22.01	x	
-	Văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.		x
b	Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất		
-	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo mẫu BM.ĐCKS.22.01	x	
-	Văn bản giới thiệu của chủ đầu tư dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản;	x	
-	Văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công.		x
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)		
2.5	Thời hạn giải quyết: 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		

2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo

B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	1,5 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá và kiểm tra tại thực địa (nếu cần); - Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khu vực đề nghị khảo sát, đánh giá.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).	3,5 ngày	Mẫu 05; Biên bản kiểm tra thực địa; Văn bản đề nghị xin ý kiến các cơ quan liên quan; Văn bản cho ý kiến của các cơ quan liên quan;
B5	- Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi lấy ý kiến cơ quan có liên quan; - Trường hợp không đủ điều kiện chấp thuận khảo sát thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B9. - Trường hợp đủ điều kiện xác nhận thì chuyển thực hiện bước B6. - Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện báo cáo thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện báo cáo gửi cho tổ chức, cá nhân.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	01 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Trên cơ sở kết quả thực hiện tại bước B5:	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	0,5 ngày	Mẫu 05; dự thảo Văn bản chấp thuận.

	- Trường hợp đủ điều kiện chấp nhận khảo sát thì dự thảo Văn bản chấp thuận trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy. - Trường hợp hồ sơ sau bổ sung hoàn thiện vẫn không đủ điều kiện chấp thuận khảo sát thì dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng ký nháy.			
B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Lãnh đạo phòng	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Văn bản chấp thuận hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	01 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Văn bản chấp thuận hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản. Chuyển kết quả xử lý cho tổ chức, cá nhân (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Văn bản chấp thuận khảo sát hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		

		 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.22.01	Văn bản đề nghị chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.  BM.ĐCKS.22.01.doc x
	BM.ĐCKS.23.02	Thông báo về việc chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.  BM.ĐCKS.22.02.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	

-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có);
-	Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến.
-	Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành.	

23. Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.

1	KÝ HIỆU QUY TRÌNH	QT.ĐCKS.23		
2	NỘI DUNG QUY TRÌNH			
2.1	Điều kiện thực hiện TTHC: Không			
2.2	Cách thức thực hiện TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Cổng dịch vụ công quốc gia: https://dichvucong.gov.vn			
2.3	Thành phần hồ sơ, bao gồm:		Bản chính	Bản sao
-	Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV theo mẫu BM.ĐCKS.23.01		x	
-	Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV (trường hợp nộp hồ sơ giấy phải có bản số gửi kèm)		x	
2.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)			
2.5	Thời hạn giải quyết:17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

2.6	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, số 02A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh - Qua Dịch vụ bưu chính công ích. - Qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn			
2.7	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: các sở, ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.			
2.8	Đối tượng thực hiện TTHC: Tổ chức, cá nhân.			
2.9	Kết quả giải quyết TTHC: Văn bản chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.			
2.10	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	1. Tiếp nhận hồ sơ. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp từ người nộp hồ sơ hoặc qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn 2. Cán bộ TN&TKQ kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu không bổ sung hoàn thiện được thì từ chối tiếp nhận hồ sơ. - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì làm thủ tục tiếp nhận hồ sơ, hẹn trả kết quả cho người nộp hồ sơ.	Công chức TN&TKQ và tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Mẫu số 01; 02, 03 (nếu có); 06 và 01 bộ hồ sơ theo mục 2.3.
B2	Chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường; Văn thư tiếp nhận hồ sơ chuyển cho phòng Khoáng sản giải quyết.	Công chức TN&TKQ	0,5 ngày	Mẫu 01, 05 và Hồ sơ kèm theo

B3	Kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ không đủ điều kiện xử lý thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và nộp lại cho Sở qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Sau khi nhận được hồ sơ bổ sung, điều chỉnh theo yêu cầu thì thực hiện các bước tiếp theo. - Nếu hồ sơ đủ điều kiện xử lý thì chuyển mục xuống B4 để thực hiện.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ Lãnh đạo phòng, Lãnh đạo Sở	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản thông báo, bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ và hồ sơ sau bổ sung, hoàn chỉnh
B4	Thẩm định hồ sơ: - Kiểm tra, rà soát hồ sơ, thẩm định các nội dung của báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. - Trường hợp cần thiết ban hành văn bản lấy ý kiến chuyên gia, cơ quan có liên quan đối với các nội dung của báo cáo.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ, lãnh đạo phòng, lãnh đạo Sở, Văn thư, các cá nhân có liên quan (thời gian các quan liên quan cho ý kiến không tính trong thời gian giải quyết TTHC).	03 ngày	Mẫu 05; Văn bản xin ý kiến; Văn bản cho ý kiến;
B5	- Tổng hợp kết quả thẩm định sau khi lấy ý kiến của chuyên gia, cơ quan có liên quan: - Trường hợp không đủ điều kiện xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thì tham mưu Sở ban hành Văn bản trả lời nêu rõ lý do chuyển kèm hồ sơ sang Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh trả cho tổ chức cá nhân theo bước B9. - Trường hợp đủ điều kiện xác nhận thì chuyển thực hiện bước B6. - Trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện báo cáo thì tham mưu Sở ban hành Văn bản thông báo bổ sung, hoàn thiện báo cáo gửi cho tổ chức, cá nhân.	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ; Lãnh đạo phòng; Lãnh đạo Sở; Văn thư.	4,5 ngày	- Mẫu 05, 06; Văn bản trả lời nêu rõ lý do và hồ sơ kèm theo.
B6	Trên cơ sở kết quả thực hiện tại bước B5:	Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ.	02 ngày	Mẫu 05; dự thảo Văn bản chấp thuận hoặc Văn

	- Trường hợp đủ điều kiện cấp xác nhận thì dự thảo Văn bản chấp thuận trình lãnh đạo phòng xem xét, ký nháy. - Trường hợp hồ sơ sau bổ sung hoàn thiện vẫn không đủ điều kiện xác nhận thì dự thảo Văn bản thông báo trả hồ sơ trình Lãnh đạo phòng ký nháy.			bản thông báo trả hồ sơ.
B7	Xem xét ký và ký nháy kết quả tại B6.	Lãnh đạo phòng	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; dự thảo Văn bản chấp thuận hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B8	Ký duyệt kết quả giải quyết của Phòng Khoáng sản tại B7.	Lãnh đạo Sở	02 ngày	Mẫu 05 kèm hồ sơ; Văn bản chấp thuận hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ.
B9	Đóng dấu, phát hành văn bản. Chuyển kết quả xử lý cho tổ chức, cá nhân (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) và kết thúc xử lý trên phần mềm dịch vụ công qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để giải quyết	Văn thư, Chuyên viên được giao xử lý hồ sơ	Giờ hành chính	Mẫu 05, 06; Văn bản chấp thuận hoặc Văn bản thông báo trả hồ sơ
	<i>* Trường hợp hồ sơ quá hạn xử lý, trong thời gian chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn xử lý, cơ quan giải quyết TTHC ban hành phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả chuyển sang Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để gửi cho tổ chức, cá nhân.</i> <i>* Trong quá trình giải quyết hồ sơ người có trách nhiệm thực hiện cần thực hiện đồng thời các thao tác tiếp nhận/chuyển/trả hồ sơ, kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: https://motcua.hatinh.gov.vn với các bước trong quy trình.</i>			
3	BIỂU MẪU			
	Mẫu 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả  Mẫu 01.docx		
	Mẫu 02	Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ		

		 Mẫu 02.docx
	Mẫu 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ  Mẫu 03.docx
	Mẫu 04	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả  Mẫu 04.docx
	Mẫu 05	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ  Mẫu 05.docx
	Mẫu 06	Sổ theo dõi hồ sơ  Mẫu 06.docx
	BM.ĐCKS.23.01	Văn bản đề nghị xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.  BM.ĐCKS.23.01.doc x
	BM.ĐCKS.23.02	Thông báo về việc chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV.  BM.ĐCKS.23.02.doc x
4	HỒ SƠ LƯU	
-	Mẫu 01, 02, 03, 04 (nếu có); 06 lưu tại Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Mẫu 01, 05 lưu theo hồ sơ;	
-	Hồ sơ đầu vào theo mục 2.3;	

-	Hồ sơ theo mục 2.10 (nếu có);
-	Văn bản trả lời nêu rõ lý do (nếu có); Văn bản thông báo trả hồ sơ (nếu có);
-	Văn bản đề nghị các cơ quan liên quan cho ý kiến.
-	Văn bản xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV;
Hồ sơ được lưu tại phòng Khoáng sản, thời gian lưu 05 năm. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ xuống bộ phận lưu trữ của Sở và lưu trữ theo quy định hiện hành./.	